

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

| STT                                                       | Mã TTHC  | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                         | Trang |
|-----------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>LĨNH VỰC: NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (10)</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                                                |       |
| <b>a) Lĩnh vực: Thủy lợi (01)</b>                         |          |                                                                                                                                                                                                                                                                |       |
| 1                                                         | 2.001621 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện). | 1-3   |
| <b>b) Lĩnh vực: Nông nghiệp (01)</b>                      |          |                                                                                                                                                                                                                                                                |       |
| 2                                                         | 1.003596 | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương                                                                                                                                                                                                                      | 4     |
| <b>c) Lĩnh vực: Bảo hiểm (01)</b>                         |          |                                                                                                                                                                                                                                                                |       |
| 3                                                         | 1.005412 | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp                                                                                                                                                                                                       | 5-8   |
| <b>d) Lĩnh vực: Phòng, chống thiên tai (05)</b>           |          |                                                                                                                                                                                                                                                                |       |
| 4                                                         | 2.002163 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu                                                                                                                                                                                    | 9-10  |
| 5                                                         | 2.002162 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                                                                                                                                                                                                       | 11-26 |
| 6                                                         | 2.002161 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai                                                                                                                                                                                                       | 27-44 |
| 7                                                         | 1.010091 | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.                                                                                                     | 45-49 |
| 8                                                         | 1.010092 | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.                                                                           | 50-54 |
| <b>ê) Lĩnh vực: Khoa học công nghệ và môi trường (01)</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                                                |       |
| 10                                                        | 1.008838 | Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích                                                                                                                                                                                                        | 58-64 |